HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 84 /2026/NQ-HĐND	*Thái Nguyên, ngày 23 tháng 9 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT

Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15 ngày 03 tháng 02 năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 46/2026/QH16 ngày 24 tháng 8 năm 2026 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa - xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi giai đoạn 2026 - 2035;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương, các cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030;

Xét Tờ trình số 333/TTr-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên Dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo số 349/BC-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên giải trình, làm rõ một số nội dung thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các Tổ đại biểu tại Kỳ họp thứ tám (Kỳ họp chuyên đề), Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XV; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách Trung ương và vốn ngân sách địa phương) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (sau đây viết tắt là Chương trình).

2. Đối tượng áp dụng

a) Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; các xã, phường và các cơ quan, đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

b) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến việc lập, phân bổ, giao, điều chỉnh và thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm, dự toán ngân sách nhà nước hằng năm để thực hiện Chương trình.

Điều 2. Nguyên tắc phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình

1. Việc phân bổ kế hoạch vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình phải tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Việc phân bổ vốn được thực hiện theo nguyên tắc sau:

a) Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, bền vững; ưu tiên phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước cho 11 xã vùng ATK Định Hóa, ATK Chợ Đồn (gồm: Định Hóa, Bình Yên, Trung Hội, Phượng Tiến, Phú Đình, Bình Thành, Kim Phượng, Lam Vỹ, Chợ Đồn, Nghĩa Tá, Yên Thịnh). Ưu tiên phân bổ vốn để giải quyết tình trạng phòng học tạm, phòng học nhờ, mượn; hoàn thiện cơ sở vật chất và thiết bị dạy học tối thiểu cho các cơ sở giáo dục, đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và Chương trình giáo dục phổ thông;

b) Việc phân bổ căn cứ nhu cầu vốn thực tế hợp lệ của các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình, bảo đảm không trùng lặp nội dung chi, đối tượng thụ hưởng, hạng mục, khối lượng đã được ngân sách nhà nước hoặc nguồn vốn hợp pháp khác bảo đảm. Ưu tiên bố trí vốn cho dự án, nhiệm vụ cấp thiết, có đầy đủ thủ tục theo quy định, có khả năng triển khai, giải ngân và hoàn thành trong kỳ kế hoạch;

c) Trường hợp nhu cầu vốn thực tế thấp hơn mức vốn xác định theo tiêu chí, hệ số, định mức thì bố trí bằng nhu cầu vốn thực tế; phần chênh lệch còn lại được xem xét phân bổ cho cơ quan, đơn vị, địa phương khác có nhu cầu, đủ điều kiện triển khai và khả năng giải ngân, bảo đảm đúng mục tiêu của Chương trình;

d) Trường hợp nhu cầu vốn thực tế vượt mức ngân sách Trung ương hỗ trợ và ngân sách tỉnh đối ứng, xác định theo tiêu chí, hệ số, định mức của Chương trình, cơ quan, đơn vị, địa phương và đơn vị thụ hưởng có trách nhiệm chủ động cân đối, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để bảo đảm hoàn thành toàn bộ quy mô đầu tư của dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

3. Trường hợp chia tách, sáp nhập cơ sở giáo dục trong giai đoạn thực hiện Chương trình, việc phân bổ vốn cho cơ sở giáo dục sau chia tách, sáp nhập thực hiện theo nguyên tắc sau:

a) Đối với cơ sở giáo dục được sáp nhập từ hai cơ sở trở lên, mức vốn được xác định trên cơ sở tổng hợp nhiệm vụ, dự án và mức vốn đã phân bổ cho các cơ sở trước khi sáp nhập, bảo đảm thực hiện Chương trình liên tục, có tính kế thừa, không gián đoạn;

b) Đối với cơ sở giáo dục được chia tách, mức vốn được xác định tương ứng với nhiệm vụ, nội dung, hoạt động, dự án được chuyển giao cho từng cơ sở theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

4. Bảo đảm công khai, minh bạch trong phân bổ kế hoạch vốn; kịp thời điều chỉnh vốn từ nơi không còn nhu cầu, chậm tiến độ hoặc sử dụng không hiệu quả sang nơi có nhu cầu và khả năng thực hiện theo đúng thẩm quyền.

5. Tổng vốn đối ứng của ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2030 phải phù hợp nguyên tắc quy định tại Điều 10 và không thấp hơn tỷ lệ quy định tại Điều 11 Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương, cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030.

6. Trên cơ sở tổng mức vốn được cấp có thẩm quyền giao và các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ quy định tại Nghị quyết này, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng phương án phân bổ vốn, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg và quy định pháp luật có liên quan.

7. Trường hợp không còn nhu cầu sử dụng vốn, sử dụng vốn không hiệu quả, Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh có trách nhiệm kịp thời báo cáo và trình cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh, phân bổ cho địa phương, đơn vị khác có nhu cầu và khả năng thực hiện.

Điều 3. Tiêu chí, phương pháp phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách Trung ương cho các xã, phường để thực hiện giáo dục mầm non, phổ thông công lập

1. Tiêu chí phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách Trung ương

a) Thực trạng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học của các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn xã, phường theo mục tiêu, nội dung đầu tư của Chương trình. Các chỉ tiêu định lượng về thực trạng cơ sở vật chất được xác định như sau:

P_{kch}: Số lượng phòng học tạm, nhờ, mượn, cấp 4 xuống cấp cần phải kiên cố hóa của xã j;

P_{pcgd}: Số lượng phòng học cần đầu tư để thực hiện phổ cập giáo dục, học 2 buổi/ngày của xã j;

$P_{thiếu}$: Số lượng phòng học, phòng bộ môn, nhà công vụ giáo viên, khu nội trú cho học sinh, trang thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu để đạt chuẩn tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với xã j.

b) Mức độ ưu tiên để hoàn thành các công trình trong giai đoạn được bố trí vốn. Hệ số định lượng về mức độ ưu tiên được xác định như sau:

α: Hệ số trọng số đối với việc kiên cố hóa trường, lớp học, quy định α = 1,3;

β: Hệ số trọng số đối với việc thực hiện phổ cập giáo dục, học 2 buổi/ngày, quy định β = 1,2;

γ: Hệ số trọng số đối với việc đầu tư bổ sung phòng học, phòng bộ môn, nhà công vụ giáo viên, khu nội trú cho học sinh, trang thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu để đạt chuẩn tối thiểu, quy định γ = 1,0.

c) Khả năng tự cân đối ngân sách của các xã, phường. Hệ số phân bổ theo khả năng cân đối ngân sách (M_j) được xác định như sau:

c1) Các địa phương có tỷ lệ số bổ sung cân đối so với tổng chi cân đối ngân sách xã, phường từ 80% trở lên: Hệ số M_j = 1,3;

c2) Các địa phương có tỷ lệ số bổ sung cân đối so với tổng chi cân đối ngân sách xã, phường từ 60% đến dưới 80%: Hệ số M_j = 1,1;

c3) Các địa phương có tỷ lệ số bổ sung cân đối so với tổng chi cân đối ngân sách xã, phường từ 40% đến dưới 60%: Hệ số M_j = 1,0;

c4) Các địa phương có tỷ lệ số bổ sung cân đối so với tổng chi cân đối ngân sách xã, phường dưới 40%: Hệ số M_j = 0,6.

d) Mức độ khó khăn của địa bàn theo vùng, miền, bao gồm các yếu tố về điều kiện địa lý, địa hình, khí hậu, khoảng cách vận chuyển, điều kiện thi công, suất đầu tư xây dựng và các yếu tố chi phí khác có liên quan. Hệ số ưu tiên theo vùng miền Kj được xác định như sau:

d1) Các xã vùng ATK Định Hóa, ATK Chợ Đồn: Hệ số Kj = 2,0;

d2) Các xã khu vực II, khu vực III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã an toàn khu không thuộc các xã vùng ATK Định Hóa, ATK Chợ Đồn: Hệ số Kj = 1,2;

d3) Các xã, phường còn lại: Hệ số Kj = 1,0.

Trường hợp một xã, phường đồng thời thuộc từ hai nhóm địa bàn ưu tiên trở lên quy định tại điểm này thì chỉ áp dụng một hệ số Kj ở mức cao nhất.

2. Phương pháp xác định mức vốn phân bổ cho từng xã, phường

a) Cách tính tổng số điểm định mức quy đổi của xã *j* (T_j)

Tổng số điểm định mức quy đổi của xã *j* (T_j) được tính toán dựa trên thực trạng cơ sở vật chất thực tế kết hợp với các hệ số ưu tiên về vùng miền và khả năng cân đối ngân sách, cụ thể như sau:

$$T_j = [(P_{kch,j} \times \alpha) + (P_{pcgd,j} \times \beta) + (P_{thiếu,\ j} \times \gamma)] \times K_j \times M_j$$

b) Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho xã j (Vj) được xác định theo công thức sau:

$$V_j = \left(\frac{T_j}{\sum_{j=1}^{n} T_j}\right) \times V_{D1}$$

Trong đó:

- V_j: Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho xã *j* trong giai đoạn kế hoạch;

- V_{D1}: Phần vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương thuộc Dự án thành phần 1 còn lại sau khi bố trí cho các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị quyết này, được phân bổ cho các xã, phường để thực hiện nội dung giáo dục mầm non, phổ thông công lập của Chương trình trong kỳ kế hoạch;

- T_j: Tổng số điểm định mức quy đổi của xã *j*;

- $\sum_{j=1}^{n} T_j$: Tổng số điểm định mức quy đổi của tất cả các xã thuộc đối tượng được ngân sách trung ương hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (n là tổng số xã được hỗ trợ).

Tổng mức vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho xã j để thực hiện Dự án thành phần 1 bằng tổng vốn ngân sách Trung ương (V_j) và vốn đối ứng ngân sách tỉnh được xác định tại Điều 6 Nghị quyết này.

3. Căn cứ xác định số liệu

a) Khối lượng danh mục đầu tư đối với các hạng mục công trình, trang thiết bị dạy học tối thiểu và thứ tự ưu tiên bố trí vốn được xác định trên cơ sở tổng hợp nhu cầu thực tế của từng xã, phường bảo đảm phù hợp với mục tiêu, quy mô, nội dung đầu tư của Chương trình và danh mục dự án đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Danh mục, quy mô, tổng mức đầu tư, tiến độ thực hiện và nhu cầu vốn của từng dự án được xác định theo quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Suất vốn đầu tư xây dựng và giá trang thiết bị dạy học được áp dụng theo quy định hiện hành về suất vốn đầu tư xây dựng, giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình do Bộ Xây dựng ban hành, kết hợp với chỉ số giá thị trường và kết quả thẩm định giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có) tại thời điểm lập phương án phân bổ vốn;

d) Đối với hệ số khả năng tự cân đối ngân sách (Mj): Tỷ lệ số bổ sung cân đối/tổng chi cân đối ngân sách của các xã, phường theo Nghị quyết số 104/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về phân bổ dự toán ngân sách nhà nước tỉnh Thái Nguyên năm 2026 và áp dụng ổn định cho giai đoạn 2026 - 2030 theo hồ sơ, số liệu được cơ quan có thẩm quyền xác nhận;

đ) Đối với mức độ khó khăn của địa bàn theo vùng, miền, bao gồm: Các xã khu vực II, khu vực III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã an toàn khu thực hiện theo Quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt;

e) Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của số liệu báo cáo làm căn cứ tính toán định mức phân bổ vốn. Số liệu được chốt tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2026 và áp dụng ổn định cho giai đoạn 2026 - 2030 theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 4 Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg.

Điều 4. Tiêu chí phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các đơn vị cấp tỉnh và trường cao đẳng công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh

1. Đối tượng được xem xét phân bổ vốn gồm:

a) Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh được cấp có thẩm quyền giao chủ trì, trực tiếp thực hiện nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình, phù hợp chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý;

b) Trường cao đẳng công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh được lựa chọn tham gia Chương trình theo quy định của cấp có thẩm quyền.

2. Việc phân bổ vốn cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quy định tại điểm a khoản 1 Điều này căn cứ các tiêu chí sau:

a) Nhiệm vụ được giao chủ trì thực hiện theo quyết định, kế hoạch của cấp có thẩm quyền;

b) Khối lượng nhiệm vụ, tiến độ thực hiện, nhu cầu vốn thực tế hợp lệ, khả năng triển khai, giải ngân và hoàn thành nhiệm vụ trong kỳ kế hoạch;

c) Nội dung, tính chất, phạm vi nhiệm vụ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và khả năng thực hiện của cơ quan, đơn vị; bảo đảm không trùng lặp về nội dung chi, đối tượng thụ hưởng với nhiệm vụ đã phân cấp cho cấp xã, nhiệm vụ thuộc chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án khác hoặc nhiệm vụ chi đã được bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước.

3. Tiêu chí, hệ số và phương pháp xác định mức vốn ngân sách Trung ương phân bổ cho trường cao đẳng công lập thực hiện theo Điều 5 Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg.

Điều 5. Định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương tại địa phương

1. Phân bổ vốn đầu tư phát triển thuộc Dự án thành phần 1 cho nhiệm vụ cấp tỉnh

Căn cứ tổng kế hoạch vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình được cấp có thẩm quyền giao, nhu cầu vốn thực tế hợp lệ, khối lượng nhiệm vụ và khả năng triển khai, bố trí tối đa 20% vốn đầu tư phát triển thuộc Dự án thành phần 1 để thực hiện các nhiệm vụ, dự án cấp tỉnh, nhiệm vụ có quy mô liên xã, phường, nhiệm vụ đặc thù và các nhiệm vụ khác được cấp có thẩm quyền giao (tỷ lệ nêu trên tương ứng với tổng nhu cầu vốn đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030 lĩnh vực giáo dục và đào tạo ở cấp tỉnh và cấp xã).

2. Phân bổ vốn đầu tư phát triển thuộc Dự án thành phần 1 cho các xã, phường

Phần vốn ngân sách trung ương còn lại thuộc Dự án thành phần 1 sau khi bố trí cho các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này được phân bổ cho các xã, phường theo tiêu chí, hệ số và phương pháp quy định tại Điều 3 Nghị quyết này. Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định phân bổ chi tiết kế hoạch vốn trong phạm vi được phân cấp theo Nghị quyết số 29/2026/NQ-HĐND ngày 09 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên phân cấp thẩm quyền quyết định phân bổ chi tiết nội dung, hoạt động, lĩnh vực chi thường xuyên; phân bổ, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và quy định pháp luật có liên quan.

3. Phân bổ vốn thuộc Dự án thành phần 2 cho trường cao đẳng công lập thuộc tỉnh

Phần vốn ngân sách trung ương thuộc Dự án thành phần 2 được phân bổ cho trường cao đẳng công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh tham gia Chương trình thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị quyết này. Chỉ xem xét bố trí vốn khi trường có phương án và khả năng bố trí đầy đủ phần vốn tự đối ứng từ nguồn thu hợp pháp của đơn vị theo Điều 12 Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg và bảo đảm các điều kiện tiếp nhận, triển khai dự án.

4. Phân bổ kinh phí thường xuyên ngân sách trung ương

Kinh phí thường xuyên ngân sách trung ương thực hiện Chương trình được phân bổ cho Sở Giáo dục và Đào tạo, bảo đảm phù hợp mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung hoạt động của Chương trình và chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi hiện hành;

5. Việc quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán kinh phí thường xuyên thực hiện theo Thông tư số 112/2026/TT-BTC ngày 31 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thường xuyên nguồn ngân sách nhà nước của Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 6. Vốn đối ứng ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình

Vốn đối ứng ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2030 được bố trí theo quy định tại Điều 10 và Điều 11 Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg, cụ thể như sau:

1. Vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh

a) Vốn đối ứng của ngân sách tỉnh Thái Nguyên đối với các nội dung quy định tại Điều 4 và Điều 7 Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg bằng 38,73% tổng vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ được giao cho tỉnh trong năm hoặc giai đoạn kế hoạch (theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 11 Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg);

b) Vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh giao cho các xã, phường (thuộc điểm a khoản này) thực hiện Chương trình bố trí trong năm hoặc giai đoạn kế hoạch, được xác định bằng 38,73% vốn ngân sách Trung ương giao cho các xã, phường.

2. Nguồn vốn đối ứng

a) Ngân sách cấp tỉnh bố trí đủ tỷ lệ vốn đối ứng thực hiện Chương trình trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch đầu tư công hằng năm và dự toán ngân sách nhà nước hằng năm theo quy định;

b) Ngân sách cấp xã do Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định bố trí theo nhiệm vụ được giao, phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và khả năng cân đối ngân sách, không làm phát sinh một tỷ lệ đối ứng bắt buộc riêng đối với từng xã, phường.

c) Ngoài vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng ngân sách tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, đơn vị và đơn vị thụ hưởng chủ động huy động các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện Chương trình, bảo đảm hoàn thành mục tiêu, chỉ tiêu và quy mô dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; được xác định, theo dõi riêng và không làm thay đổi yêu cầu bảo đảm mức vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh theo tỷ lệ quy định.

3. Đối ứng đối với dự án đầu tư cho trường cao đẳng

Ngân sách tỉnh bố trí phần vốn đối ứng thuộc trách nhiệm của tỉnh đối với dự án đầu tư cho trường cao đẳng theo khoản 2 Điều 11 Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg. Trường cao đẳng bố trí phần vốn tự đối ứng từ nguồn thu hợp pháp của đơn vị theo Điều 12 Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg. Phần vốn đối ứng của ngân sách tỉnh và phần vốn tự đối ứng của trường được xác định, theo dõi riêng, không tính trùng.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 04 tháng 10 năm 2026.

2. Trường hợp văn bản viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XV, Kỳ họp thứ tám (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 23 tháng 9 năm 2026./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (Báo cáo);
- Bộ Tài chính (Báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp (Kiểm tra);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa XV;
- Các cơ quan ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Thái Nguyên; Trung tâm Thông tin và Dịch vụ sự nghiệp tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Bùi Văn Lương